

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2024/DSPT
Ngày: 04/4/2024
V/v: *Tranh chấp hợp đồng quyền
sở hữu trí tuệ*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Hồng Dung**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Hà Thị Phương Thanh**

Bà **Nguyễn Thị Thùy Trang**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn Ban** -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Ông **Trần Thanh Vũ** – kiểm sát viên

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2024 tại Tòa án nhân dân TP . xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 446 /2022/TLPT-DS ngày 30/12/2022, về “*Tranh chấp Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ,*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2023/QĐXX-PT ngày 20 tháng 3 năm 2023.

Do bản án sơ thẩm số 160/2022/DSST ngày 07/9/2022 của TAND quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xử sơ thẩm có kháng cáo, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Phạm Thị Ngọc G**, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm E, phường M, tp ., tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1989 -Văn bản ủy quyền ngày 27/5/2021(có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của nguyên đơn: Luật sư **Mai Lưu P** – Công ty L tại thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

*** Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thái Như U**, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: 81/18, P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư **Trần Nguyễn Duy T** - Văn phòng Luật sư Trần Thanh P1 - thuộc Đoàn Luật sư Thành phố C (có mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn Phạm Thị Ngọc G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đại diện ủy quyền cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Tháng 01/2021 bà Phạm Thị Ngọc Giàu c thỏa thuận với bà Nguyễn Thái N Uyên về việc nhượng quyền nhãn hiệu Bigchick, kinh doanh gà rán. Đến ngày 03/2/2021 các bên ký hợp đồng nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu Bigchick-Gà rán khổng lồ Đài Loan số 01/HĐNQ/LX trị giá 200.000.000 đồng và thỏa thuận mở 05 cửa hàng B1. Tuy nhiên, do việc kinh doanh ế ẩm nên bà G đã ngừng kinh doanh từ ngày 10/5/2021.

Thời điểm ký hợp đồng thì bên nhượng quyền là bà U chưa hoàn thành thủ tục đăng ký nhãn hiệu và chưa được cấp giấy chứng nhận nhãn hiệu. Trong quá trình kinh doanh bà U tự ý nâng giá nguyên liệu cung cấp mà không thông báo cho bà G. Hành vi của bà U là lừa dối làm cho bà G tin rằng nhãn hiệu của bà U đã được cấp phép nên bà G mới ký hợp đồng.

Nay bà G khởi kiện yêu cầu Tòa án: Hủy hợp đồng nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu Bigchick – gà rán khổng lồ Đài Loan số 01/HĐNQ/LX. Buộc bà U trả cho bà G số tiền 200.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh kể từ khi ký hợp đồng và bồi thường thiệt hại với số tiền 60.000.000 đồng.

** Bị đơn bà Nguyễn Thái Như U trình bày:*

Tháng 6/2020, bà có mở cửa hàng gà rán khổng lồ Đài Loan với tên gọi B tại Cần Thơ. Ngày 08/12/2020 bà có ký hợp đồng dịch vụ với Công ty TNHH P2 để ủy quyền cho họ thực hiện việc tra cứu và đăng ký nhãn hiệu Bigchick tại Cục sở hữu trí tuệ. Ngày 22/01/2021 Cục sở hữu trí tuệ đã ban hành quyết định số 6663/QĐ-SHTT về việc chấp nhận đơn hợp lệ với nhãn hiệu Bigchick. Nhãn hiệu của bà đã được nằm trong danh sách Công báo sở hữu công nghiệp của Cục sở hữu trí tuệ thuộc Bộ K 4-2020-53794. Tình trạng nhãn hiệu của bà đã được đăng tải trên website của Cục sở hữu trí tuệ, vẫn đang chờ quyết định chính thức.

Ngày 10/12/2020, bà G muốn kinh doanh mô hình của bà nên đã tìm hiểu. Từ ngày 17/12/2020 bà G chấp nhận và vẫn muốn hợp tác kinh doanh khi biết chưa hoàn tất xong thủ tục đăng ký bảo hộ nhãn hiệu Bigchick của Cục sở hữu trí tuệ. Ngày 03/02/2021 hai bên ký hợp đồng nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu

BigChick - Gà rán khổng lồ Đài Loan, giá trị hợp đồng 200.000.000 đồng. Phía bà đã bỏ công sức đào tạo, hướng dẫn để bà G khai trương cửa hàng, thu lợi nhuận từ việc kinh doanh gà rán, tất cả được thể hiện qua tin nhắn zalo, facebook giữa bà và bà G.

Thời gian đầu kinh doanh hiệu quả nên bà G mở thêm cửa hàng. Thời gian sau, bà G kinh doanh thua lỗ là do nhiều lý do khác nhau chứ không phải do thương hiệu Gà rán. Do vậy, bà U không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà G về việc hoàn trả tiền đã nhận và bồi thường thiệt hại.

- Đến ngày 29/6/2022, bị đơn là bà U có đơn phản tố đề nghị khấu trừ nghĩa vụ, yêu cầu bà G phải trả nợ theo hợp đồng vay tiền ngày 20/5/2020 vốn gốc là 285.000.000 đồng cùng với lãi suất theo quy định kể từ ngày 20/5/2020 cho đến khi bản án có hiệu lực.

Đại diện nguyên đơn là ông Đ không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn về đòi nợ theo hợp đồng vay của bà U, đồng thời phía đại diện của bà G cũng không thừa nhận có ký hợp đồng vay, không nhận tiền vay.

Vụ án đã được Tòa án hòa giải không thành, ngày 11/8/2022 có Quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai theo thủ tục chung.

- Ngày 26/8/2022 Tòa án có nhận thư qua Bưu điện về Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung của bà G ký tên ngày 24/8/2022, theo đó bà G bổ sung các yêu cầu cụ thể:

- + Buộc bà U trả lại số tiền 140.667.200 đồng là chi phí bồi thường thiệt hại.
- + Bồi thường thiệt hại về tinh thần cho bà G theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- *Đại diện ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Đ trình bày:* Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bà U hoàn trả 200.000.000 đồng là giá trị của hợp đồng số 01 ngày 03/2/2021, lý do bà G đã bị bà U lừa dối khi ký hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu Bigchick, bị đơn chưa được cấp Giấy chứng nhận nhãn hiệu của Cục sở hữu trí tuệ mà khẳng định là chủ sở hữu hợp pháp làm cho nguyên đơn tin tưởng ký hợp đồng kinh doanh nên gây thiệt hại. Về bồi thường thiệt hại do hủy hợp đồng theo khởi kiện ban đầu yêu cầu 60.000.000 đồng, yêu cầu bồi thường thêm theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/8/2022 là 140.667.200 đồng, nhưng không cung cấp thêm chứng cứ khởi kiện bổ sung. Tổng cộng yêu cầu bà U phải trả cho bà G 400.667.200 đồng (*bốn trăm triệu sáu trăm sáu mươi bảy ngàn, hai trăm đồng*).

Nguyên đơn rút phần phản tố theo đơn bổ sửa đổi, bổ sung ngày 24/8/2022 về bồi thường thiệt hại về tinh thần do yêu cầu này vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Đại diện nguyên đơn giữ nguyên quan điểm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà U về đòi nợ theo hợp đồng vay do quan hệ phản tố không liên quan đến tranh chấp khởi kiện của nguyên đơn.

- *Bị đơn là bà U giữ nguyên ý kiến và trình bày thêm:* Việc bà G kinh doanh không hiệu quả để yêu cầu bồi thường thiệt hại là không có căn cứ, bởi lẽ các phần mềm thu tiền bán hàng ghi nhận việc buôn bán thuận lợi, hơn nữa cửa hàng đầu tiên kinh doanh mở có lời thì bà G mới tiếp tục mở tiếp cửa hàng thứ 2, thứ 3. Vào khoảng tháng 5/2021 dịch Covid bùng phát mạnh thì bà G mới ngưng kinh doanh. Hiện nay, các bí quyết về công thức chế biến bà G đều đã biết hết nên muốn đòi lại tiền mua nhãn hiệu và yêu cầu bồi thường là vô lý. Trước đây do là bạn bè thân thiết nên các bên đã trao đổi mọi thông tin liên quan đến nhãn hiệu sản phẩm và cách kinh doanh, bà đã giúp đỡ bà G, nay bà G kiện cho rằng mình bị lừa dối là hoàn toàn không thể chấp nhận.

Về yêu cầu phản tố buộc bà G thanh toán nợ theo hợp đồng vay tiền đã ký thì đây là khoảng vay nhiều lần trước cho đến ngày 20/5/2020 tổng hợp và ký thành một bản thống nhất, yêu cầu bà G trả nợ gốc và trả lãi suất tính từ ngày vay cho đến khi thanh toán dứt điểm tiền nợ.

Tại bản án sơ thẩm số 160/2022/DSST ngày 07/9/2022 của TAND quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tuyên xử:

1. Hủy hợp đồng nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu Bigchick - gà rán không lò Đài loan số 01/HĐNQ/LX ngày 03/2/2021.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc G về việc kiện buộc bà Nguyễn Thái Như U hoàn trả lại tiền hợp đồng số 01/HĐNQ/LX ngày 03/2/2021.

Bác yêu cầu của bà Phạm Thị Ngọc G về việc kiện buộc bà Nguyễn Thái N Uyên bồi thường thiệt hại hợp đồng số 01/HĐNQ/LX ngày 03/2/2021.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thái Như U về việc kiện bà Phạm Thị Ngọc G thanh toán nợ theo hợp đồng vay tiền ngày 20/5/2020.

3. Sau khi khấu trừ nghĩa vụ, bà Phạm Thị Ngọc Giàu c trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thái N Uyên 302.847.500 đồng (*ba trăm lẻ hai triệu, tám trăm bốn mươi bảy ngàn, năm trăm đồng*) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi án có hiệu lực và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải tiếp tục trả lãi 1,5% từ sau

ngày xét xử sơ thẩm 07/9/2022 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo qui định.

Ngày 19/9/2022 bà Phạm Thị Ngọc G kháng cáo cho rằng án sơ thẩm chưa xem xét hết các chứng cứ trong vụ án, cụ thể là khi giải quyết việc nợ không đưa chồng bà U vào tham gia tố tụng do họ đang còn tồn tại mối quan hệ hôn nhân. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn kháng cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố.

Luật sư phía bị đơn: Nêu ra các căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, bởi lẽ:

Mục đích các bên ký Hợp đồng nhượng quyền nhãn hiệu là để kinh doanh, câu chữ trong nội dung hợp đồng số 01 ngày 03/2/2021 có bị nhầm lẫn về nhãn hiệu đã được cơ quan Nhà nước bảo hộ là do các đương sự tải xuống từ trên mạng, thiếu sự chỉnh sửa cho phù hợp thực tế thì không thể nói có sự lừa dối trong việc giao kết hợp đồng. Số tiền bà G yêu cầu bồi thường liên quan đến việc đầu tư của hàng, trang bị đồ dùng,... trong hợp đồng, phía bà U không ép buộc bà G phải mua nội thất bàn ghế, dụng cụ kinh doanh,... giá cao hay là buộc bà G thuê mặt bằng tốn kém nhiều chi phí... Riêng nguyên liệu để tạo ra sản phẩm do bà U cung cấp để chế biến thì tùy thuộc vào giá cả chung trên thị trường từng thời điểm, không thể nói bà U bán nguyên liệu có kê giá cao hơn so với lúc ký hợp đồng.

Vì tin bạn bè, tin vào sự kinh doanh chân chính nên bà U đã bị lộ bí mật kinh doanh về công thức chế biến sản phẩm, đã đào tạo đầu bếp, nhân viên và cách thức kinh doanh Bigchick - Gà rán cho bên bà G, đó là thiệt hại to lớn của bà U, đề nghị Tòa xem xét khi nhận định về tính pháp lý của hợp đồng và xác định thiệt hại cũng như lỗi của các bên một cách chính xác.

Về yêu cầu phản tố phía bà G không thừa nhận đã ký hợp đồng vay tiền, nhưng hiện tại bà G vẫn thừa nhận chữ ký tên trên Hợp đồng vay ngày 20/5/2020 giữa các bên, với chứng cứ gốc Hợp đồng vay tiền mà bà U đã cung cấp là có thật. Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm thì kết luận giám định cho rằng màu mực của mặt 2 và mặt 1 là không cùng màu mực chứ chưa có kết luận gì về nội dung nên không thể phủ nhận nội dung của chứng cứ này. Đề nghị xét chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc đòi nợ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo qui định.

- Về nội dung: Trên cơ sở xem xét hợp đồng ký kết giữa các bên, hợp đồng vay tiền ngày 20/5/2020 và thừa nhận của các bên cho thấy bản án sơ thẩm xử là có căn cứ. Tại giai đoạn phúc thẩm phía nguyên đơn yêu cầu trung cầu giám định màu mực in của hợp đồng vay tiền, tại kết luận giám định xác định màu mực in của mặt 1 và 2 không cùng màu mực, tuy nhiên nội dung trang 1 và trang 2 logic nhau tại Điều 3 và Điều 4 của hợp đồng về lãi suất. Bị đơn kháng cáo không cung cấp thêm chứng cứ mới, kết luận giám định màu mực in là hình thức, không ảnh hưởng gì đến nội dung của Hợp đồng vay tiền, nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm (có phát biểu kèm theo).

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết:* Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ của đối tượng không có đăng ký kinh doanh, có hoạt động thương mại nên là tranh chấp của các cá nhân hoạt động thương mại, tranh chấp được pháp luật dân sự điều chỉnh, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 26, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về tố tụng:* Về tranh chấp theo đơn phản tố của bà Nguyễn Thái N Uyên ngày 29/6/2022, đây là quan hệ tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, mặc dù quan hệ vay tài sản khác so với tranh chấp Hợp đồng chuyển giao sở hữu trí tuệ mà nguyên đơn khởi kiện, nhưng Hội đồng xét xử xét thấy đây cũng là tranh chấp dân sự, các thủ tục tố tụng cũng được Bộ luật tố tụng dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Nội dung yêu cầu phản tố của bị đơn là để bù trừ nghĩa vụ với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp với điểm a khoản 2 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét đơn nội dung khởi kiện thay đổi, bổ sung của bà Phạm Thị Ngọc G ký ngày 24/8/2022, có 2 yêu cầu:

- Yêu cầu bà U bồi thường thiệt hại thêm 140.667.200 đồng, nhưng không cung cấp thêm chứng cứ nào mới. Yêu cầu này trùng với yêu cầu bồi thường thiệt hại theo đơn khởi kiện ban đầu của nguyên đơn. Việc thay đổi bổ sung khởi kiện

mặc dù gửi đến Tòa án ngày 26/8/2022, sau khi Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, gần đến ngày mở phiên tòa nên nguyên đơn không nộp tạm ứng án phí. Do yêu cầu kiện bổ sung không phát sinh thêm thủ tục công khai chứng cứ, hòa giải nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Yêu cầu bà U bồi thường thiệt hại về tinh thần cho bà G, yêu cầu này đại diện nguyên đơn xin rút do vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu cấp sơ thẩm chấp nhận việc rút yêu cầu này là phù hợp.

[3] *Về hợp đồng nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu BigChick - Gà rán không lò Đai Loan số 01 ngày 03/02/2021, giá trị hợp đồng là 200.000.000 đồng.*

Xét thấy, tại thời điểm ký kết và thực hiện hợp đồng bà U chỉ được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận đơn đăng ký nhãn hiệu hợp lệ và cho đăng Công báo. Giai đoạn này đang trong quá trình thẩm định hình thức và nội dung đăng ký nhãn hiệu, Cục Sở hữu trí tuệ chưa cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu Bigchick nên quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu Gà rán của bà U chưa được xác lập. Khi chưa xác lập được quyền sở hữu, mà bà U đã thực hiện giao dịch chuyển nhượng nhãn hiệu cho người khác là chưa đảm bảo tính pháp lý về quyền sở hữu trí tuệ được bảo hộ như nội dung của hợp đồng số 01/HĐNQ/LX ngày 03/02/2021 đề cập.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại cho thấy không có một tổ chức, cá nhân nào khiếu nại hay có ý kiến gì về việc sử dụng nhãn hiệu Bigchick gây ảnh hưởng hay tổn thất đến quyền sở hữu tên gọi nhãn hiệu hàng hóa của họ. Giữa bà G và bà U ký hợp đồng đều hướng đến mục đích công thức Gà rán và sử dụng nhãn hiệu để kinh doanh mang lại lợi nhuận, chứ không phải vì nhãn hiệu Bigchick có đăng ký hay không, được Cục Sở hữu trí tuệ chứng nhận bảo hộ hay chưa ?

Mặt khác cần giải thích thêm, việc đăng ký nhãn hiệu với cơ quan chức năng là để luật pháp bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, Pháp luật không cấm cá nhân, tổ chức sử dụng nhãn hiệu chưa đăng ký hay không đăng ký, do vậy không thể khẳng định hợp đồng mà bà G và bà U ký kết khi chưa được pháp luật công nhận bảo hộ nhãn hiệu là vi phạm điều cấm của luật.

Bà U xác định, bà G biết rõ chưa được Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận nhãn hiệu Bigchick nhưng vẫn chấp nhận và đồng ý ký kết hợp đồng mở cửa hàng kinh doanh sản phẩm, mặc dù đại diện cho bà G không thừa nhận điều này. Xét thấy, khi thực hiện việc hợp đồng kinh doanh, đòi hỏi trách nhiệm của mỗi tổ chức, cá nhân đều phải tìm hiểu và yêu cầu đối tác phải cung cấp các văn bản, tài liệu,... chứng minh tính hợp pháp của đối tượng ký kết, nhằm để đảm bảo tính pháp lý khi thực hiện giao dịch. Đại diện của bà G nại ra rằng không biết và cũng

không tìm hiểu trước khi ký hợp đồng giao dịch nhãn hiệu Bigchick, bà G cũng không xem Giấy chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu khi ký hợp đồng do tin tưởng bà U nên bị bà U lừa dối là không có căn cứ để xem xét.

Ngoài ra hai bên còn ký thêm Phụ lục hợp đồng số 01/HĐNQ/LX ngày 03/02/2021 thỏa thuận về việc đào tạo nhân lực, trang trí cửa hàng kinh doanh, từ đó cho thấy bên bà U đã đào tạo, hướng dẫn nhân viên, đầu bếp cho phía bà G để mở các cửa hàng Gà rán ; ngược lại phía bà G cũng tốn kém chi phí trang bị cơ sở vật chất, phương tiện kinh doanh... cho nên cần ghi nhận những tổn thất của các bên phải chịu trong khi thực hiện hợp đồng.

Tuy nhiên, khi đánh giá mức độ thiệt hại là trang bị vật chất, phương tiện để kinh doanh của bên bà G là có thể đo đếm được thành tiền ; ngược lại bà U lộ bí mật về công thức chế biến sản phẩm thông qua việc đào tạo đầu bếp, nhân viên và cách thức tạo ra sản phẩm hoàn thiện mang tên B để bán tại cửa hàng của bà G là thiệt hại thuộc về sở hữu trí tuệ không thể xác định bằng số tiền cụ thể.

Từ những phân tích nêu trên cấp sơ thẩm xác định Hợp đồng nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu BigChick - Gà rán không lờ Đài Loan số 01/HĐNQ/LX ngày 03/02/2021 ký giữa bà G và bà U là giao dịch dân sự vô hiệu do bị nhầm lẫn. Các bên đều có lỗi trong việc giao kết hợp đồng này, nên mỗi bên chịu 50% thiệt hại là có căn cứ. Bà U đã nhận khoảng tiền 200.000.000 đồng của bà G, do đó cần hoàn trả lại cho bà G 50% số tiền này tương đương 100.000.000 đồng là phù hợp cần giữ nguyên phần này.

[4] Về khoảng bồi thường hợp đồng, nguyên đơn cho rằng mình phải chi phí tốn kém khi đầu tư kinh doanh, buộc bồi thường thiệt hại tổng cộng là 200.667.200 đồng gồm nhiều khoản như: thuê mặt bằng, trang trí cửa hàng, mua sắm vật dụng liên quan, thuê thợ thực hiện những hạng mục phù hợp khi kinh doanh Bigchick,... Nguyên đơn cho rằng, một số chi phí chi trả bằng tiền mặt, một số chi phí trả qua chuyển khoản nên nguyên đơn không đủ chứng từ về mức bồi thường thiệt hại để cung cấp cho Tòa án.

Như trên phân tích, khi thực hiện hợp đồng cả hai bên đều có lỗi, chi phí đầu tư bên phía bà G có tính toán bằng tiền, nhưng đối với phía bà U có những tổn thất không thể tính cụ thể như đào tạo đầu bếp, nhân viên và công thức tạo ra sản phẩm gà rán hoàn thiện để bà G kinh doanh,... việc bị lộ bí mật kinh doanh, kinh nghiệm và công thức chế biến Gà rán thì mất mát đó không thể tính toán bằng con số cụ thể. Hơn nữa, nguyên đơn không kê khai và không cung cấp được biên lai, hóa đơn cụ thể chi phí thiệt hại, khi đặt ra số tiền bồi thường chỉ là ước lượng qua các giấy tờ ghi nhận thiệt hại không đầy đủ.

Tất cả các chứng cứ mà đương sự hai bên đã nộp trong hồ sơ vụ án để tính khoảng lợi nhuận thu về và tính chi phí thiệt hại đều là tài liệu phô-tô chỉ có giá trị tham khảo, chưa phải là chứng cứ trực tiếp để Hội đồng xét xử xem xét và đưa ra nhận định chính xác nên cấp sơ thẩm không thể chấp nhận yêu cầu bồi thường của nguyên đơn là phù hợp. Tuy nhiên các bên không kháng cáo nên không xem xét.

[5] Về yêu cầu phản tố của bị đơn về việc đòi nguyên đơn trả nợ theo hợp đồng vay ngày 20/5/2020.

Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền bản chính mà bị đơn cung cấp cho thấy tại Điều 1 của hợp đồng có nội dung: *do trước đây bên bà Giàu c vay tiền của bà U nhiều lần và lập thành những biên nhận riêng lẻ, vì vậy, để dễ dàng trong việc đối chiếu nợ và thanh toán nên hai bên thống nhất chốt lại tổng số tiền đã vay thành một hợp đồng này.* Bà G không thừa nhận ký tên vay tiền nhưng hợp đồng có chữ viết và ký tên bà G, bà G phản đối nhưng bà không cung cấp chứng cứ nào khác và cũng không có yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết.

Tại giai đoạn cấp phúc thẩm bà G thừa nhận chữ ký tên mặt sau của hợp đồng vay tiền là của bà, nhưng cho rằng mặt trước của Hợp đồng vay là không đúng, nên yêu cầu trưng cầu giám định màu mực in của mặt trước và mặt sau của Hợp đồng vay tiền ngày 20/5/2020. Tại kết luận giám định số 7065/KL-KTHS ngày 25/12/2023 của Phân viện KHHS tại thành phố Hồ Chí Minh xác định màu mực in tại trang 1 và trang 2 của Hợp đồng vay là không cùng màu mực. Xét thấy đây là chứng để bị đơn đòi nguyên đơn trả nợ, tuy nhiên trong cùng một tờ giấy nhưng màu mực in mặt trước và sau không cùng màu mực in là chưa thể hiện tính đồng bộ. Từ đó cơ sở để xác định giá trị pháp lý của chứng cứ là chưa vững chắc, thiếu tính chính xác. Vì vậy bà U căn cứ vào Hợp đồng vay tiền ngày 20/5/2020 để yêu cầu bà G hoàn trả số nợ gốc 285.000.000 đồng là chưa hợp lý. Do vậy cần sửa bản án sơ thẩm đối với phần này, nhưng đây là tình tiết mới tại giai đoạn phúc thẩm nên không tính lỗi của cấp sơ thẩm.

Từ những nhận định trên cần chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn đối với Hợp đồng vay nợ ngày 20/5/2020.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

- Đương sự phải chịu án phí trên số tiền không được Tòa án chấp nhận. Do nguyên đơn buộc bị đơn hoàn trả, bồi thường tổng cộng là 400.667.200 đồng, Tòa án chỉ chấp nhận một phần 100.000.000 đồng, nên bà G phải nộp án phí 15.033.000 đồng trên số tiền bị bác yêu cầu là 300.667.200 đồng.

- Bà Nguyễn Thái Như U phải nộp án phí do yêu cầu phản tố hợp đồng vay 285.000.000 đồng không được chấp nhận và số tiền buộc hoàn trả 100.000.000 đồng cho bà G là 19.250.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà G được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

Nhận xét và đề nghị của kiểm sát viên phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1, 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo hợp của bà Phạm Thị Ngọc G.
- Về nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Ngọc G.

Sửa một phần bản án sơ thẩm;

1. Hủy hợp đồng nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu Bigchick - gà rán không lò Đài loan số 01/HĐNQ/LX ngày 03/2/2021.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc G về việc kiện buộc bà Nguyễn Thái Như U hoàn trả lại tiền hợp đồng số 01/HĐNQ/LX ngày 03/2/2021.

Bà Nguyễn Thái Như U phải trả cho bà Phạm Thị Ngọc G số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Bác yêu cầu của bà Phạm Thị Ngọc G về việc kiện buộc bà Nguyễn Thái N Uyên bồi thường thiệt hại hợp đồng số 01/HĐNQ/LX ngày 03/2/2021.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thái Như U về việc kiện bà Phạm Thị Ngọc G thanh toán nợ theo hợp đồng vay tiền ngày 20/5/2020.

Kể từ khi án có hiệu lực, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải tiếp tục trả lãi theo qui định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự từ sau ngày xét xử sơ thẩm 07/9/2022 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị Ngọc G phải chịu 15.033.000 đồng, khấu trừ vào tiền 30.175.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp bà G được nhận lại 15.142.000 đồng (*mười lăm triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001266 ngày 22/10/2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, TP ..

- Bà Nguyễn Thái Như U phải chịu 19.250.000 đồng, được khấu trừ vào tiền 7.125.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000725 ngày 29/6/2022, bà U phải nộp thêm 12.125.000 đồng (*mười hai triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

4. Về án phí phúc thẩm: Bà Phạm Thị Ngọc G không phải nộp, nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu số 0000112 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 04/4/2024.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- TAND Q. Ninh Kiều;
- CCTHADS Q.Ninh Kiều;
- Lưu HS.

Phan Thị Hồng Dung